

Số: 3373/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 28 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 157/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 quy định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ; số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2495/TTr-SNV ngày 07/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3166/QĐ-UBND ngày 13/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Giám đốc sở, Thủ trưởng ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /sống

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- HĐND các huyện, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Đài PT - TH Thái Bình, Báo Thái Bình;
- Lưu: VT, NCKS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Khắc Thiện



QUY ĐỊNH

**Trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị
trên địa bàn tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính**
(Kèm theo Quyết định số 3373 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh (sau đây gọi tắt là sở, ban, ngành); Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã); Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có liên quan trực tiếp trong việc chỉ đạo, điều hành và triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Giám đốc sở, Thủ trưởng ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có liên quan trực tiếp đến việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.
3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.
4. Người được giao quyền hoặc phụ trách cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

Điều 3. Nguyên tắc, căn cứ xác định trách nhiệm và xử lý trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị

1. Nguyên tắc xác định trách nhiệm: Việc xem xét, đánh giá trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính phải khách quan, đúng người, đúng việc, căn cứ vào tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và kết quả thực hiện cải cách hành chính cụ thể của cơ quan, đơn vị.

2. Căn cứ xem xét, đánh giá là kết quả Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh do Bộ Nội vụ công bố hằng năm và kết quả Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố do Ủy ban nhân dân tỉnh công bố hằng năm.

3. Nguyên tắc xử lý: Việc xử lý trách nhiệm người đứng đầu phải được tiến hành kịp thời, nghiêm minh, công khai, minh bạch theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 4. Thẩm quyền xem xét, đánh giá trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu các phòng, ban, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Chương II
TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Điều 5. Chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch hàng năm

a) Giám đốc sở, Thủ trưởng ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính theo Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp phụ trách công tác cải cách hành chính, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính theo Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm.

b) Xây dựng, ban hành: Kế hoạch cải cách hành chính, kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính, kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính, kế hoạch tổ chức tự kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch kiểm soát; rà soát, đánh giá thủ tục hành chính, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được pháp luật quy định đảm bảo đúng thời hạn, đầy đủ nội dung theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; đảm bảo 100% vấn đề phát hiện sau kiểm tra, rà soát đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý.

c) Triển khai, tổ chức thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ cải cách hành chính theo kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh và của cơ quan, đơn vị.

d) Tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của cơ quan, đơn vị.

2. Xác định Chỉ số cải cách hành chính hàng năm

a) Giám đốc sở, Thủ trưởng ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo triển khai xác định và công bố chỉ số cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn.

3. Tổ chức triển khai thực hiện các kế hoạch

a) Đánh giá mức độ hoàn thành các kế hoạch về cải cách hành chính; kiểm tra, đôn đốc việc cập nhật các văn bản chỉ đạo, điều hành, thông tin hoạt động của cơ quan, đơn vị trên Cổng/Trang thông tin điện tử của ngành, địa phương.

b) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức các đoàn kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính định kỳ hoặc đột xuất; qua đó biểu dương, khen thưởng kịp thời các đơn vị thực hiện tốt, nhân rộng mô hình và chấn chỉnh, khắc phục kịp thời những hạn chế, vướng mắc; xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra, theo dõi giám sát việc thực hiện sau kiểm tra.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tự kiểm tra kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; khắc phục kịp thời những hạn chế, vướng mắc; xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra, theo dõi giám sát việc thực hiện sau kiểm tra.

d) Chủ động phối hợp với các đoàn kiểm tra về công tác cải cách hành chính của tỉnh và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của báo cáo, thông tin, số liệu theo yêu cầu của đoàn kiểm tra.

e) Chỉ đạo thực hiện chế độ báo cáo công tác cải cách hành chính định kỳ đảm bảo đầy đủ về nội dung và đúng thời gian quy định.

f) Hàng năm tổ chức sơ kết, tổng kết công tác cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị nhằm đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị, chấn chỉnh, khắc phục những tiêu chí chưa đạt được hoặc đạt ở mức thấp theo kết quả xác định chỉ số cải cách hành chính đã được công bố; có hình thức khen thưởng, biểu dương kịp thời đối với những tổ chức, cá nhân thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách hành chính.

Điều 6. Xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật hàng năm

1. Giám đốc sở, Thủ trưởng ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ và tính khả thi cao; đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; chỉ đạo việc xây dựng, ban hành các văn bản, chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

2. Tổ chức hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và có báo cáo theo đúng quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 154/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

3. Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn, tổng hợp kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản chung của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng, ban hành Kế hoạch và tổ chức kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo việc xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Điều 7. Cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

1. Cải cách thủ tục hành chính

a) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Chủ động nghiên cứu, rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian, quy trình giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền; đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính không còn phù hợp để giảm chi phí thủ tục hành chính. Thực hiện chế độ báo cáo kiểm soát; rà soát, đánh giá thủ tục hành chính; đánh giá mức độ hoàn thành thực hiện kế hoạch theo quy định.

Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc đề xuất sáng kiến cải cách thủ tục hành chính; ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng quy trình giải quyết thủ tục hành chính nội bộ, bảo đảm nhanh, gọn, khoa học, thuận tiện; tăng cường trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong giải quyết thủ tục hành chính.

Phối hợp với các cơ quan có liên quan kịp thời trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, thủ tục hành chính bãi bỏ, hủy bỏ và thực hiện đầy đủ các quy định về công bố, công khai, minh bạch thủ tục hành chính và niêm yết địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị tại trụ sở, trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã kịp thời cập nhật các thủ tục hành chính mới và niêm yết đầy đủ thủ tục hành chính, địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của địa phương. Kịp thời xử nghiêm đối với các đơn vị thiếu trách nhiệm, chậm trễ, gây phiền hà trong giải quyết thủ tục hành chính đối với cá nhân, tổ chức. Tổ chức đối thoại với tổ chức, cá nhân về thủ tục hành chính và giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan, đơn vị theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền. Phối hợp xử lý, giải quyết phản ánh kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết.

2. Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

a) Tổ chức giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền đảm bảo đúng thời hạn quy định; việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được thực hiện không quá một lần bằng văn bản trong suốt quá trình giải quyết hồ sơ.

b) Thực hiện nghiêm túc việc tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã, phối hợp chặt chẽ và kịp thời trả kết quả theo thời hạn cho cơ quan chủ trì khi thực hiện

cơ chế một cửa liên thông, đảm bảo 100% hồ sơ khi tiếp nhận và giải quyết đều phải có phiếu hẹn trả kết quả, phiếu chuyển hồ sơ (trừ trường hợp giải quyết ngay trong ngày làm việc). Đối với những hồ sơ chưa đủ hoặc không đủ điều kiện, bắt buộc phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân biết; trường hợp quá hạn giải quyết hồ sơ, bắt buộc phải có văn bản xin lỗi gửi tổ chức, cá nhân.

c) Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc giải quyết thủ tục hành chính của công chức, viên chức được giao tiếp nhận, thụ lý và xét duyệt hồ sơ; kịp thời chấn chỉnh, xử lý những hành vi vi phạm trong giải quyết thủ tục hành chính.

d) Giám đốc sở, Thủ trưởng ban, ngành của tỉnh bố trí công chức, viên chức có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thường xuyên chỉ đạo, quan tâm đầu tư đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị để nâng cao chất lượng hoạt động của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện.

e) Ủy ban nhân dân cấp xã từng bước xây dựng Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hiện đại của đơn vị theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 8. Cải cách tổ chức bộ máy

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện

Tổ chức thực hiện đúng các quy định của Chính phủ, của các bộ, ngành Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc. Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án vị trí việc làm của cơ quan, đơn vị; thường xuyên rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc. Định kỳ kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các tổ chức thuộc quyền quản lý, đề xuất cấp có thẩm quyền những giải pháp nhằm tinh gọn bộ máy, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

Thực hiện đúng quy định về sử dụng biên chế hành chính, số lượng người làm việc trong cơ quan, đơn vị.

Kịp thời tham mưu trình cấp có thẩm quyền phân cấp quản lý nhà nước cho các cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao đúng quy định.

Đánh giá kết quả thực hiện quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị; hàng năm tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung đảm bảo hoàn thiện và phù hợp với các quy định của Trung ương và của tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức và nhân dân trên địa bàn chấp hành và tổ chức thực hiện đúng các quy định của Chính phủ, của các Bộ, ngành Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh về kiện toàn, sắp xếp lại thôn, tổ dân phố, đơn vị hành chính cấp xã; xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã đúng quy định; đánh giá kết quả thực hiện quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị; hàng năm tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung đảm bảo hoàn thiện và phù hợp với các quy định của Trung ương và của địa phương; chỉ đạo việc xây dựng hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố đúng quy định.

Điều 9. Cải cách chế độ công vụ, công chức

1. Đối với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt; bố trí, sử dụng công chức, viên chức theo đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt; thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về tuyển dụng, tiếp nhận, điều động, biệt phái công chức, viên chức; tổ chức các khóa bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng giải quyết công việc và cử công chức, viên chức tham gia đầy đủ các khóa bồi dưỡng theo Kế hoạch của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện nghiêm công tác đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý theo quy định của Chính phủ và của tỉnh.

b) Thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý đảm bảo kịp thời, đúng quy định; thực hiện việc bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý đảm bảo đúng các quy định về trình tự, thủ tục, tiêu chuẩn và cơ cấu, số lượng; thực hiện đạt chỉ tiêu tinh giản biên chế đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm và từng giai đoạn; cập nhật thường xuyên, đầy đủ các thông tin của cán bộ, công chức, viên chức trên hệ thống phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức; chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý ký cam kết và thực hiện nghiêm các quy định về kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở; xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức thuộc quyền quản lý; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tích cực thực hiện các giải pháp nhằm tăng tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ, công chức cấp xã.

2. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Phân công nhiệm vụ cụ thể đối với cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách; thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách đúng, đầy đủ, kịp thời; có trách nhiệm cử cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách đi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn theo kế hoạch của cơ quan có thẩm quyền nhằm nâng cao chất lượng cán bộ, công chức.

b) Thực hiện nghiêm công tác đánh giá, phân loại cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý theo quy định của Chính phủ và của tỉnh; chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý ký cam kết và thực hiện nghiêm các quy định về kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở; chấp hành nghiêm quyết định của cấp có thẩm quyền về tuyển dụng, tiếp nhận, điều động, biệt phái cán bộ, công chức; cập nhật thường xuyên, đầy đủ các thông tin của cán bộ, công chức và báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp huyện để cập nhật trên phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 10. Cải cách tài chính công

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện có hiệu quả các quy định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong sử dụng kinh phí quản lý hành chính; có biện pháp tiết kiệm, tăng thu nhập cho công chức, viên chức; thực hiện nghiêm các quy định về quản lý ngân sách. Hàng năm rà soát, xây dựng, ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung và tổ chức thực hiện tốt quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; quy chế dân chủ; chương trình,

kế hoạch phòng chống tham nhũng; chương trình, kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện có hiệu quả các quy định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong sử dụng kinh phí được giao; kịp thời thực hiện các quy định của Trung ương và của tỉnh về kiện toàn, sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập; chuyển các đơn vị sự nghiệp sang tự đảm bảo toàn bộ, đảm bảo một phần chi thường xuyên hoặc chuyển thành công ty cổ phần (nếu có) theo đúng quy định.

Điều 11. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử và chính quyền số

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, bố trí đủ nguồn lực để đảm bảo hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, nhân lực công nghệ thông tin; chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý thường xuyên sử dụng Mạng Văn phòng điện tử liên thông, hộp thư điện tử công vụ để trao đổi tài liệu, hồ sơ để đảm bảo chế độ bảo mật theo quy định; thường xuyên cập nhật, đăng tải các tin, bài về hoạt động của ngành, địa phương trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

a) Đối với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Triển khai thực hiện kết nối, liên thông phần mềm quản lý văn bản giữa các cơ quan, đơn vị (*đến cấp xã*), giữa lãnh đạo và công chức, viên chức; tăng cường ký số, trao đổi văn bản, giải quyết công việc giữa các cơ quan, đơn vị dưới dạng điện tử và thực hiện nghiêm chế độ bảo mật theo quy định.

Hoàn thiện Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị; đẩy mạnh thực hiện tổ chức cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 cho tổ chức, công dân.

Triển khai thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích đối với những thủ tục hành chính đã được cấp có thẩm quyền công bố.

Tiếp tục áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại cơ quan, đơn vị.

b) Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã:

Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu giải quyết công việc của đơn vị; từng bước xây dựng, hoàn thiện Cổng/Trang thông tin điện tử của đơn vị.

Triển khai thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích đối với những thủ tục hành chính đã được cấp có thẩm quyền công bố.

Từng bước triển khai áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của đơn vị theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương III

TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG THỰC HIỆN CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA TỈNH

Điều 12. Nguyên tắc

1. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm giải trình về lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần phụ trách.

2. Việc thực hiện giải trình phải đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch; người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải giải trình khi Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu.

3. Việc giải trình phải làm rõ tồn tại, hạn chế thuộc về tổ chức hoặc năng lực lãnh đạo điều hành của cán bộ, công chức, viên chức; nguyên nhân (khách quan, chủ quan) và giải pháp, lộ trình tổ chức thực hiện để khắc phục.

Điều 13. Căn cứ giải trình

1. Nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, cá nhân được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công chủ trì chịu trách nhiệm về thực hiện lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số cải cách hành chính.

2. Căn cứ Chỉ số cải cách hành chính do Bộ Nội vụ công bố hàng năm; kết quả thực hiện các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần.

3. Những nội dung liên quan đến trách nhiệm, phẩm chất, năng lực của cán bộ, công chức, viên chức làm ảnh hưởng đến Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh.

Điều 14. Yêu cầu giải trình

1. Về điểm số: Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị được giao phụ trách lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần giải trình nếu điểm số của lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần đó bị giảm so với số liệu công bố của năm trước liền kề.

2. Về những nội dung liên quan đến trách nhiệm, phẩm chất, năng lực của cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý làm ảnh hưởng đến Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh.

Điều 15. Phạm vi giải trình

Phạm vi giải trình của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị đối với từng lĩnh vực quy định cụ thể như sau:

1. Lĩnh vực Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; cải cách chế độ công vụ: Giám đốc Sở Nội vụ.

2. Lĩnh vực Cải cách thể chế: Giám đốc Sở Tư pháp.

3. Lĩnh vực Cải cách thủ tục hành chính: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Lĩnh vực Cải cách tài chính công: Giám đốc Sở Tài chính.

5. Lĩnh vực Xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số: Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.

6. Lĩnh vực Tác động của cải cách hành chính đến người dân, doanh nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh: Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì; Giám đốc Sở Tài chính và Cục trưởng Cục thuế tỉnh phối hợp thực hiện.

7. Giám đốc Sở, Thủ trưởng ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm giải trình về các vấn đề có liên quan đến việc thực hiện các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần của cơ quan, đơn vị, địa phương mình phụ trách.

Điều 16. Nội dung giải trình

Việc giải trình của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị phải làm rõ các nội dung sau:

1. Các văn bản, chương trình, kế hoạch, đề án đã ban hành hoặc tham mưu ban hành để chỉ đạo thực hiện nhằm nâng cao Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh.

2. Nội dung công việc đã phân công cho các cơ quan, đơn vị hoặc cá nhân theo dõi, phụ trách và các giải pháp chỉ đạo thực hiện.

3. Tồn tại, hạn chế khi điểm số của lĩnh vực, tiêu chí hoặc tiêu chí thành phần phụ trách bị giảm so với số liệu đã công bố của năm trước liền kề; nguyên nhân (khách quan, chủ quan) của tồn tại, hạn chế.

4. Những giải pháp, kiến nghị, đề xuất và lộ trình thời gian tới để cải thiện điểm số của lĩnh vực, tiêu chí hoặc tiêu chí thành phần phụ trách.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Điều 17. Đánh giá trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính

1. Đối với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính và Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện là một trong các cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, năng lực lãnh đạo, điều hành và trách nhiệm của người đứng đầu; là một trong những tiêu chí đánh giá bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và đánh giá phân loại cán bộ, công chức hàng năm. Kết quả đánh giá cụ thể như sau:

a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Giám đốc sở, Thủ trưởng ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính khi đảm bảo đủ các yêu cầu sau:

- Chỉ số cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị đạt từ 90 điểm đến 100 điểm theo Quyết định công bố Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Điểm số của các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần thuộc Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh được giao phụ trách do Bộ Nội vụ công bố đạt điểm tối đa hoặc tăng liên tiếp trong 02 năm liên kề;

b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Giám đốc sở, Thủ trưởng ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính khi đảm bảo đủ các yêu cầu sau:

- Chỉ số cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị đạt từ 80 điểm đến dưới 90 điểm theo Quyết định công bố Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Điểm số của các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần thuộc Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh được giao phụ trách do Bộ Nội vụ công bố tăng so với số liệu đã công bố của năm trước liên kề;

c) Hoàn thành nhiệm vụ: Giám đốc sở, Thủ trưởng ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính khi đảm bảo đủ các yêu cầu sau:

- Chỉ số cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị, địa phương đạt từ 60 điểm đến dưới 80 điểm theo Quyết định công bố Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Điểm số của các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần thuộc Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh được giao phụ trách do Bộ Nội vụ công bố không giảm điểm so với số liệu đã công bố của năm trước liên kề.

d) Không hoàn thành nhiệm vụ: Giám đốc sở, Thủ trưởng ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính khi:

- Chỉ số cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị đạt dưới 60 điểm theo Quyết định công bố Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Điểm số ở cùng một lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần thuộc Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh được giao phụ trách do Bộ Nội vụ công bố giảm 02 năm liên tiếp mà xác định là do nguyên nhân chủ quan (trừ tiêu chí liên quan đến điểm khuyến khích như: Các sáng kiến, giải pháp mới mang lại hiệu quả thực tế).

2. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã: Kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đánh giá căn cứ kết quả Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của Ủy ban nhân dân cấp huyện công bố.

Điều 18. Khen thưởng

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính theo Quy định này được xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

Điều 19. Xử lý trách nhiệm

1. Đối với sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh phê bình bằng văn bản đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao phụ trách lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần nếu điểm số

do Bộ Nội vụ công bố của lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần này giảm so với số liệu của năm trước liền kề mà xác định do nguyên nhân chủ quan.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo bằng văn bản đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ về cải cách hành chính quy định tại điểm d khoản 1 Điều 17 Quy định này, đồng thời là căn cứ để xem xét, đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức và thi đua khen thưởng hàng năm.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét về công tác cán bộ đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị nếu điểm số do Bộ Nội vụ công bố ở cùng một lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần được giao phụ trách giảm trong 03 năm liên tiếp mà xác định là do nguyên nhân chủ quan.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Trong năm đầu tiên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê bình đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ trong thực hiện cải cách hành chính.

b) Trong hai năm liên tiếp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ trong thực hiện cải cách hành chính, thì tùy theo mức độ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, áp dụng hình thức xử lý đối với người đó theo quy định của pháp luật.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 20. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Nội vụ

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, kiểm tra việc chấp hành Quy định này và hàng năm tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Chậm nhất 30 ngày sau khi kết quả Chỉ số cải cách hành chính hàng năm được Bộ Nội vụ công bố, Sở Nội vụ xây dựng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trong đó làm rõ mức độ tăng, giảm điểm của các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số cải cách hành chính; đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh danh sách các cá nhân phải giải trình và tổng hợp kết quả giải trình báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ về thực hiện cải cách hành chính của người đứng đầu sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Tổng hợp và đề xuất khen thưởng những tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính hành chính theo quy định.

5. Tổng hợp danh sách các cơ quan, đơn vị, cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ cải cách hành chính, đề xuất phương án xử lý theo quy định tại Điều 19 Quy định này báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 21. Trách nhiệm của người đứng đầu sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chỉ đạo tổ chức thực hiện nghiêm các nội dung của Quy định này và chịu trách nhiệm nếu để xảy ra vi phạm.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính liên quan đến ngành, lĩnh vực cơ quan, đơn vị mình; tổ chức quán triệt, triển khai các nội dung nêu trên đến tất cả cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị; đồng thời cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Phối hợp với các cơ quan chủ trì giải trình các nội dung liên quan đến ngành, lĩnh vực mình phụ trách khi cơ quan chủ trì đề nghị giải trình. Nội dung giải trình theo Điều 16 Quy định này.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo, kiểm tra các phòng, ban, đơn vị, xã, phường, thị trấn trên địa bàn tổ chức thực hiện nghiêm các nội dung của Quy định này; triển khai xác định và công bố Chỉ số cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn để làm căn cứ đánh giá, phân loại người đứng đầu; tổng hợp báo cáo kết quả đánh giá, phân loại hàng năm, gửi Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải trực tiếp phụ trách công tác cải cách hành chính; đưa các nội dung thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính vào các cuộc họp giao ban định kỳ; chỉ đạo phân công công chức có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp, đáp ứng được yêu cầu để tham mưu về công tác cải cách hành chính; bố trí đủ kinh phí để đầu tư hoặc đảm bảo cho các nhiệm vụ cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị; có hình thức khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; kịp thời xử lý nghiêm những tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm hoặc không hoàn thành nhiệm vụ cải cách hành chính.

Điều 22. Cơ chế giám sát

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp theo chức năng, nhiệm vụ chủ động, tích cực tham gia giám sát việc triển khai thực hiện Quy định này.

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /tung